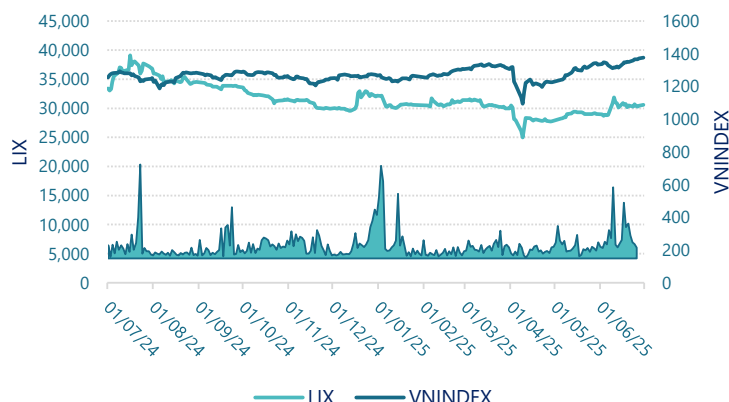


CTCP Bột giặt Lix (HSX: LIX)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	30,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	39,097
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	24,977
SL cổ phiếu LH	64,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	53,560
% sở hữu nước ngoài	2.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,983
P/E	9.6
EPS	3,189

DT thuần

Q2/25

719

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 59.0 | 8.9%

YoY: ▼ 7.00 | -1.0%

LN sau thuế

Q2/25

55.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 14.9 | 37.1%

YoY: ▲ 9.10 | 19.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

9.3%

+/- YoY: ▲ 1.3%

DT thuần

6T 2025

1,378

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 78.0 | -5.3%

LN sau thuế

6T 2025

95.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5.10 | 5.7%

ROE

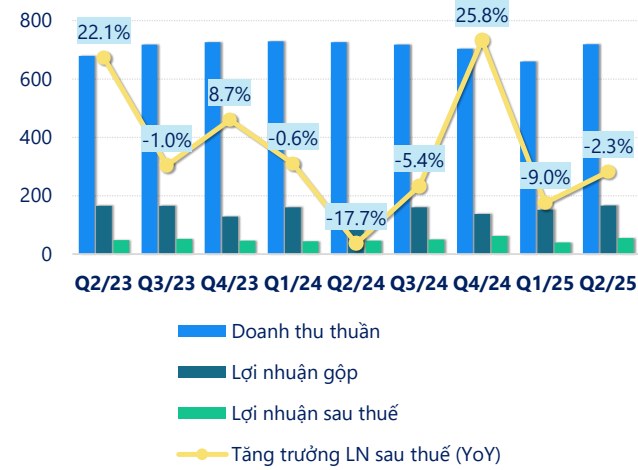
Q2/25

23.1%

+/- YoY: ▲ 0.2%

tỷ VNĐ

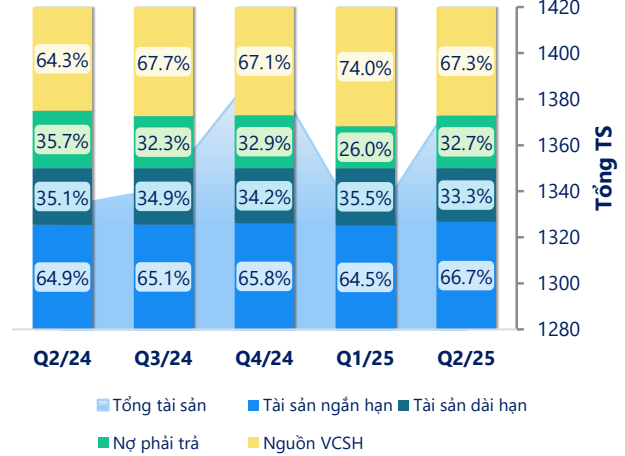
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

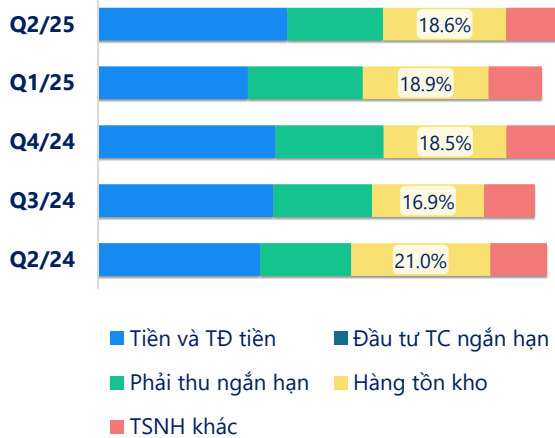
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



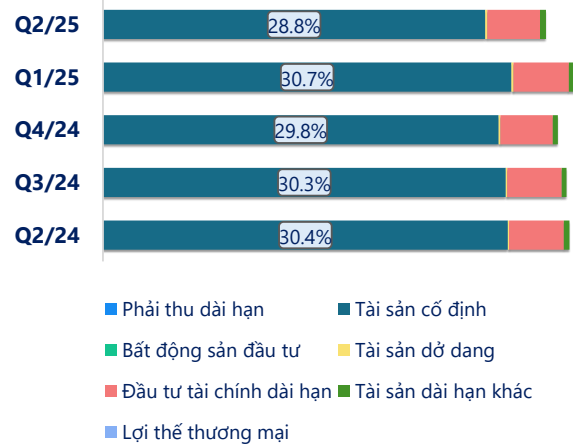
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

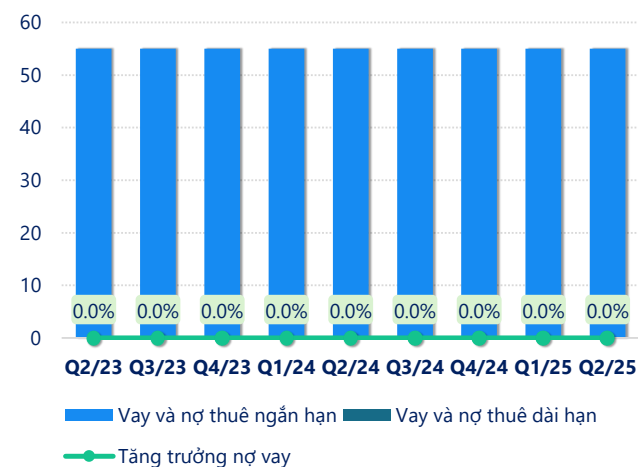
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

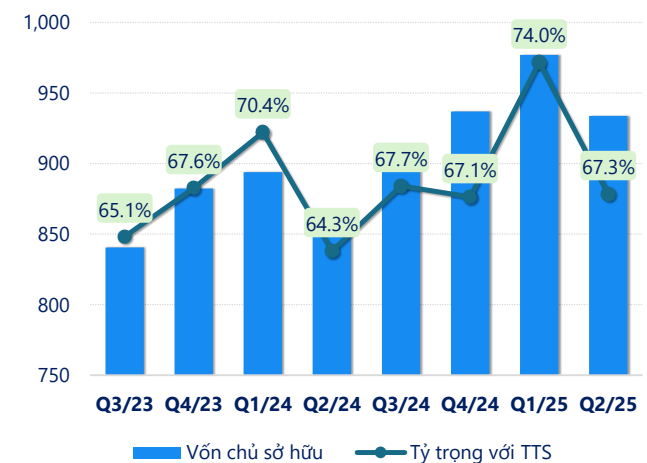
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

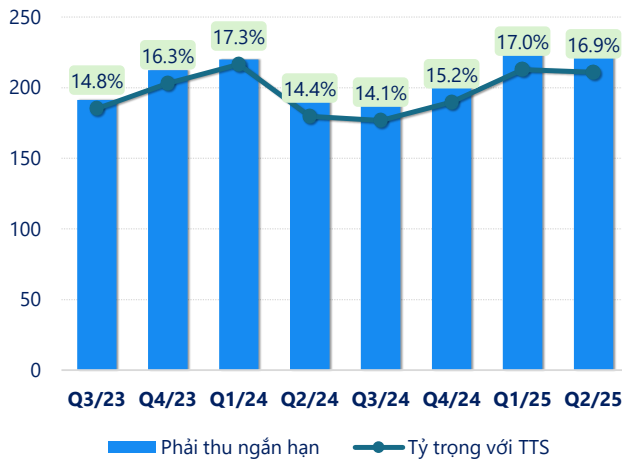
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



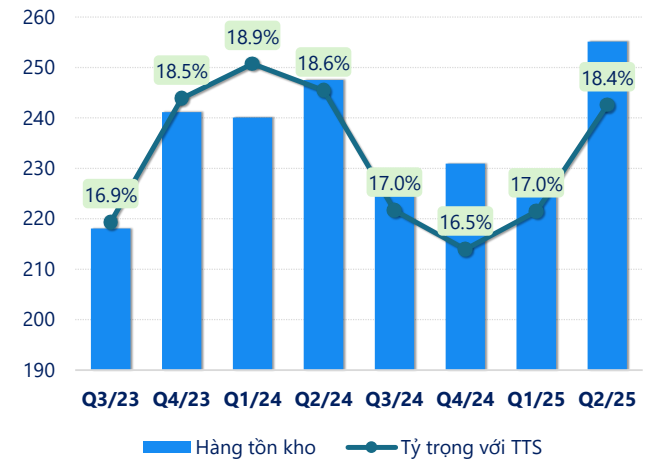
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


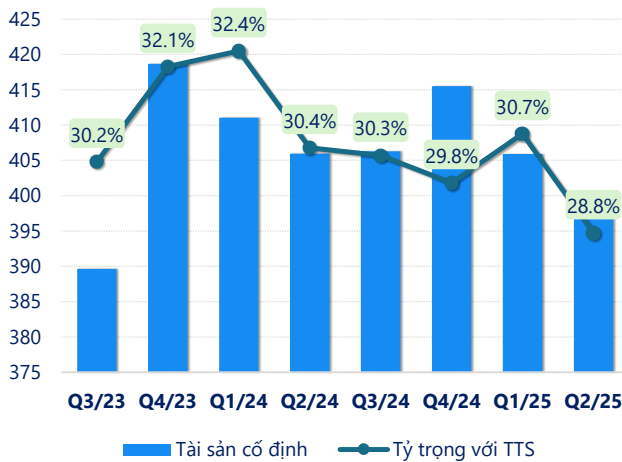
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


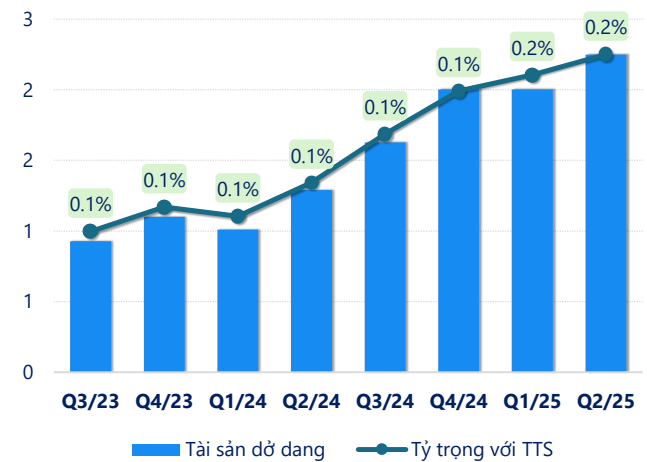
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

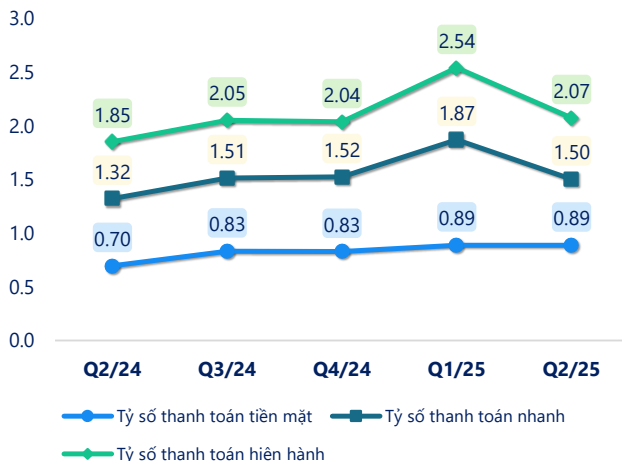
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

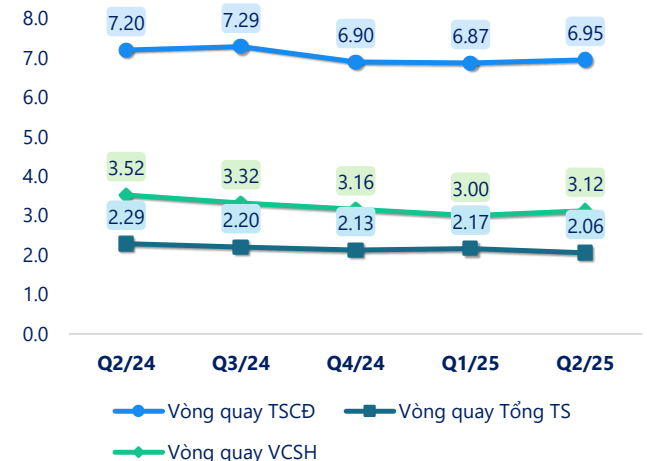
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	1,333	1,341	1,396	1,321	1,388
Tài sản ngắn hạn	865	873	919	852	926
Tiền và tương đương tiền	325	354	373	298	395
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	192	190	212	225	234
Hàng tồn kho	248	228	231	225	255
Tài sản ngắn hạn khác	101	101	102	105	40.9
Tài sản dài hạn	468	468	478	469	463
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	406	406	416	406	399
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.29	1.63	2.00	2.00	2.25
Đầu tư tài chính dài hạn	55.0	55.0	55.0	55.0	55.0
Tài sản dài hạn khác	5.64	4.84	5.41	5.78	6.07
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	475	434	460	344	455
Nợ ngắn hạn	467	426	451	335	446
Vay và nợ thuê ngắn hạn	55.0	55.0	55.0	55.0	55.0
Phải trả người bán ngắn hạn	204	176	209	177	210
Nợ dài hạn	8.10	7.84	8.41	8.49	8.33
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	858	907	937	977	934
Vốn chủ sở hữu	858	907	937	977	934
Vốn điều lệ	324	648	648	648	648
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)